

Báo cáo Chiến lược đầu tư Bán chủ động

Đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành



Báo cáo lần đầu tháng 10/2025

Người thực hiện báo cáo

Bùi Ngọc Dũng

Chuyên viên phân tích dữ liệu

Email: DungBN@fpts.com.vn

Người phê duyệt báo cáo

Nguyễn Ngọc Đức, CFA

Trưởng phòng Phân tích đầu tư

Email: DucNN2@fpts.com.vn

Mục lục

Tổng quan Chiến lược đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành	<u>05</u>
Phương pháp xây dựng Chiến lược Động lượng ngành	<u>09</u>
Kết quả kiểm định chiến lược trong quá khứ	<u>14</u>
Phụ lục	<u>18</u>

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH

Chiến lược Động lượng ngành chủ yếu phù hợp với các nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao. Trong đó, các nhà đầu tư phù hợp có thể chia thành hai nhóm chính (tương ứng với hai cách đánh giá khác nhau):

- (1) Nhà đầu tư dài hạn** (quan tâm tới chiến lược Động lượng ngành hoặc muốn bổ sung các cổ phiếu thuộc ngành có Động lượng cao vào danh mục của mình nhằm đa dạng hóa): Hiệu quả dài hạn của chiến lược được đánh giá so với tiêu chuẩn là chỉ số Động lượng ngành (gồm Ngành có động lượng cao nhất 6 tháng), qua đó phản ánh lợi nhuận từ việc lựa chọn cổ phiếu hiệu quả trong từng kỳ tái cơ cấu.
- (2) Nhà đầu tư ngắn hạn:** Mỗi báo cáo sẽ kèm theo khuyến nghị ngắn hạn (**MUA/THEO DÕI/BÁN**) dựa trên đặc tính của Chiến lược trong quá khứ và đánh giá thị trường hiện tại. Tương ứng, các khuyến nghị này được đánh giá với tiêu chuẩn là lợi nhuận kỳ vọng được đặt ra và lợi nhuận trung bình toàn thị trường (VN-Index) để phản ánh không chỉ lợi nhuận từ lựa chọn cổ phiếu mà còn lợi nhuận từ lựa chọn Chiến lược (mang tính thời điểm cao). Lưu ý các khuyến nghị chỉ dành riêng cho các nhà đầu tư ngắn hạn, không ảnh hưởng tới ý nghĩa dài hạn của Chiến lược.

Trong các báo cáo cập nhật, chúng tôi sẽ luôn đưa ra danh mục đầu tư cho kỳ kế tiếp để phục vụ các nhà đầu tư dài hạn. Thêm nữa, chúng tôi cũng sẽ đưa ra khuyến nghị để phục vụ các nhà đầu tư ngắn hạn.

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH

Trong phần này, chúng tôi muốn làm rõ cách tiếp cận và đặc tính của Chiến lược Đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành. Đây là cơ sở để xác định các nhóm nhà đầu tư phù hợp và các sử dụng báo cáo tương ứng với từng nhóm.

- (1) Cách tiếp cận đầu tư Bán chủ động là kết hợp giữa Chủ động và Thụ động. Cách tiếp cận này ứng dụng các phương pháp đa dạng hóa danh mục và giao dịch kỷ luật để tối ưu hiệu quả đầu tư – hai yếu tố quan trọng trong [Quản lý danh mục đầu tư](#).
- (2) Yếu tố Động lượng ngành có nhiều điểm tương đồng với [yếu tố Động lượng của từng cổ phiếu](#), tuy nhiên thay vì đo lường mức tăng giá của từng cổ phiếu, Động lượng ngành đo lường bằng mức tăng trưởng của chỉ số ngành tại từng thời điểm xác định. Tương ứng, Đầu tư dựa trên Động lượng ngành là đầu tư vào các cổ phiếu có vốn hóa lớn tại các ngành có Động lượng cao nhất tại từng thời điểm.
- (3) Thời gian nắm giữ ngắn hạn (03 tháng) để phù hợp với cách tiếp cận của chiến lược Động lượng. Sau thời gian nắm giữ, toàn bộ vị thế danh mục hiện tại sẽ được đóng, chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá tình hình thị trường cũng như yếu tố Động lượng ngành để đưa ra quyết định mở vị thế mới. Bên cạnh đó, số lượng cổ phiếu được hạn chế trong khoảng tối đa 5 cổ phiếu để việc giao dịch đơn giản cho các nhà đầu tư cá nhân.

Tổng quan chiến lược đầu tư theo yếu tố Động lượng ngành

- Khuyến nghị T10/2025 – T01/2026

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ BÁN CHỦ ĐỘNG DỰA TRÊN YẾU TỐ ĐỘNG LƯỢNG NGÀNH
Khuyến nghị đầu tư T10/2025 - T01/2026: MUA

Chúng tôi kỳ vọng thị trường 03 tháng tới sẽ thích hợp với Chiến lược Động lượng ngành, cụ thể hơn là lựa chọn cổ phiếu thuộc ngành Bất động sản với động lượng 6 tháng lớn nhất và đưa ra khuyến nghị ngắn hạn **MUA** với lợi nhuận kỳ vọng 7,75%*.

Tính đến thời điểm giữa tháng 10, VN-Index đã bảo lưu xu hướng tăng gia tốc, qua đó tiếp tục duy trì cấu trúc tăng giá trong trung – dài hạn. Chúng tôi kỳ vọng thị trường tiếp tục kịch bản tăng giá kết hợp với việc nhóm ngành Bất động sản tiếp tục dẫn dắt thị trường, khi đó các cổ phiếu thuộc nhóm ngành này có thể tận dụng lực đẩy của xu hướng để đánh bại thị trường.

Danh mục đầu tư T10/2025 – T01/2026

Mã CK	Tỷ trọng tính toán	Số lượng cổ phiếu**	Giá mua
KDH	57,53%	1600	35.850
VPI	35,92%	600	56.300
VIC	6,55%	30	204.100

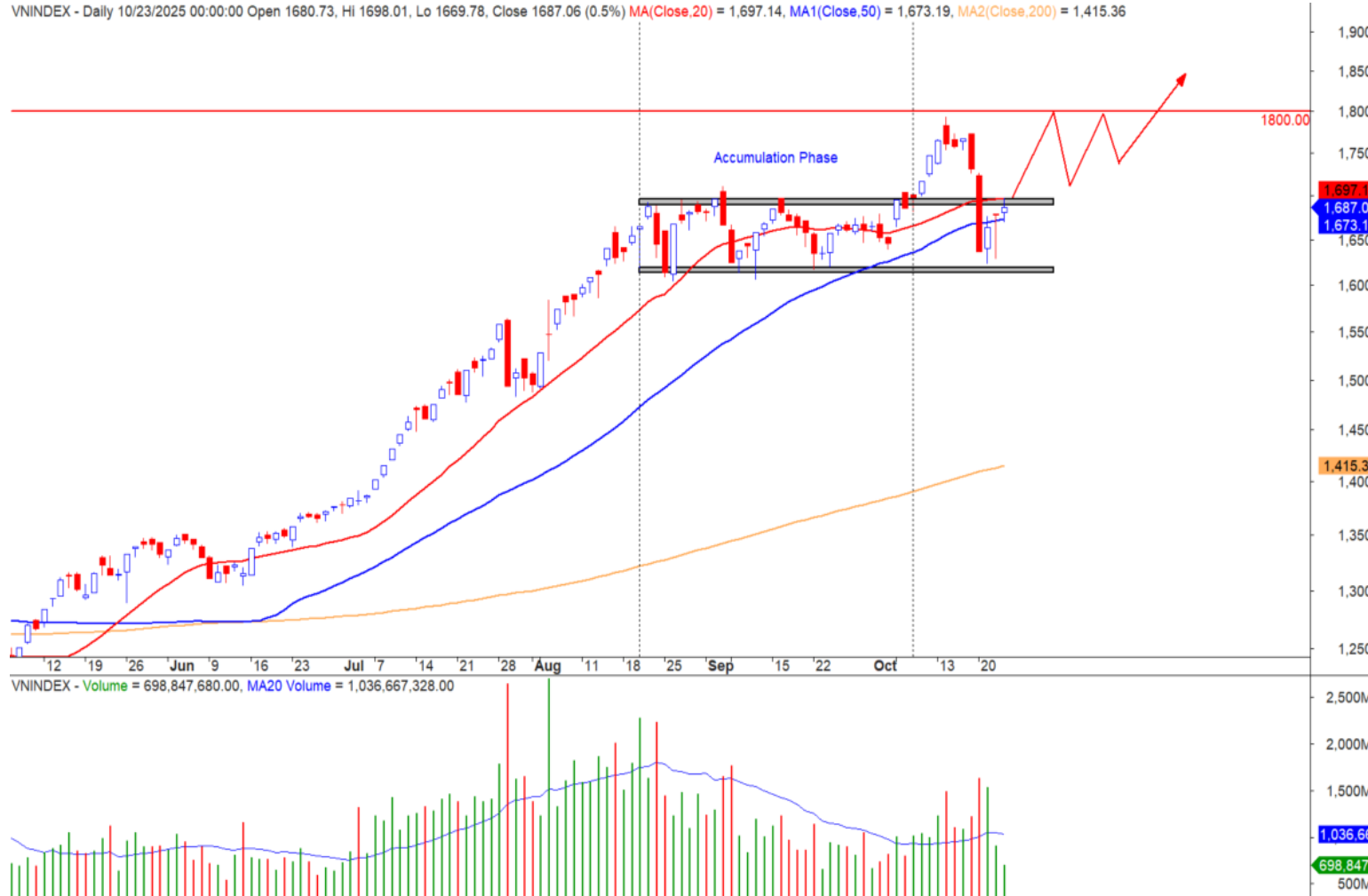
Hệ số tương quan biến động

	KDH	VPI	VIC
KDH	1		
VPI	0,33	1	
VIC	0,32	0,21	1

Mức tương quan thấp giữa các cổ phiếu (tối đa 0,33) cho thấy biến động giá của các cổ phiếu không đồng pha cao, nhờ đó mang lại hiệu quả đa dạng hóa khi kết hợp vào cùng danh mục.

*Được ước tính dựa trên mô hình Chuỗi thời gian: Bayesian Vector Autoregression

**Số lượng cổ phiếu ước tính với danh mục NAV 100 triệu đồng

Khuyến nghị đầu tư T10/2025 - T12/2026: MUA
(1) Thị trường củng cố xu hướng tăng, thuận lợi cho chiến lược Động lượng ngành


Theo nhận định, chiến lược đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành phù hợp với trạng thái thị trường **Middle-Late Bull Market** hiện tại. Trong 3 tháng tới, VN-Index nhiều khả năng sẽ dao động tích lũy trong vùng 1.700–1.800 điểm trước khi tích lũy đủ động lực để chinh phục các mốc cao mới, qua đó tiếp tục duy trì cấu trúc giá trong trung hạn. Bên cạnh đó, xu hướng tăng hiện tại vẫn được bảo lưu ổn định, trong khi thanh khoản duy trì ở mức cao cho thấy dòng tiền vẫn đang ủng hộ kịch bản tăng giá ([tham khảo](#)) tạo điều kiện thuận lợi cho chiến lược.

Do đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **MUA** cho Chiến lược đầu tư theo yếu tố Động lượng Ngành với lợi nhuận kỳ vọng danh mục là 7,75% cho kỳ đầu tư 03 tháng tới.

Khuyến nghị đầu tư T10/2025 - T12/2026: MUA
(2) Ngành Bất động sản tiếp tục là ngành dẫn dắt thị trường trong thời gian tới


Bên cạnh đó, 3 tháng tới ngành Bất động sản vẫn được đánh giá tích cực khi cấu trúc xu hướng, thanh khoản và hành động giá đều đồng thuận theo chiều tăng. Về xu hướng, cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều giữ vững cấu trúc tăng, thể hiện sự ổn định và nhất quán của dòng tiền trong ngành.

Tham khảo các yếu tố ảnh hưởng chính tới triển vọng ngành Bất động sản
Yếu tố hỗ trợ

- Tháo gỡ pháp lý giúp khơi thông nguồn cung, doanh nghiệp có dự án sẵn bán.
- Tín dụng BĐS tăng mạnh, lãi suất thấp thúc đẩy nhu cầu mua nhà, cải thiện thanh khoản và giá bán.

Yếu tố theo dõi

- Chính sách kiểm soát đầu cơ và giá BĐS có thể làm giảm tốc độ tăng giá ngắn hạn.
- Chi phí đất và xây dựng tăng gây áp lực lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Phương pháp xây dựng Chiến lược Động lượng ngành

- Kiểm định ý nghĩa yếu tố Động lượng ngành
- Tối ưu hóa hiệu quả yếu tố lên danh mục

THAM KHẢO: PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Mục tiêu của chiến lược đầu tư theo Động lượng ngành

Ý tưởng chiến lược

Yếu tố Động lượng ngành được đo bằng mức tăng trưởng giá trung bình có trọng số vốn hóa của các cổ phiếu trong cùng ngành*. Nền tảng của chiến lược đầu tư trên xuất phát từ nghiên cứu tại thị trường chứng khoán Mỹ, tác giả phát hiện rằng các ngành có động lượng cao 1 năm gần nhất (loại bỏ 1 tháng gần nhất để tránh đảo chiều ngắn hạn) sẽ tiếp tục sinh lời trong ngắn hạn (kiểm định với 3 tháng nắm giữ). Theo đó, một ngành có động lượng tốt trong khoảng thời gian dài hạn có thể được lý giải bởi (1) ngành đang hưởng lợi từ chu kỳ kinh tế thuận lợi; (2) kết quả kinh doanh cải thiện trên diện rộng; (3) quán tính trong hành vi phân bổ theo ngành của nhà đầu tư, dòng tiền theo ngành có xu hướng lan tỏa rộng và bền hơn cổ phiếu riêng lẻ (*Moskowitz & Grinblatt, 1999; Asness et al., 2013*).

Tại thị trường Việt Nam, chúng tôi tiến hành kiểm định yếu tố Động lượng ngành trong khung thời gian 6 tháng gần nhất. Để triển khai chiến lược dài hạn này, chúng tôi áp dụng phương pháp luận gồm 02 giai đoạn để lựa chọn các cổ phiếu từ ngành có động lượng 6 tháng cao nhất tại mỗi kỳ nắm giữ.



(1) Kiểm định ý nghĩa của yếu tố Động lượng ngành



(2) Tối ưu hóa Chiến lược

*Chi tiết cách đo lường động lượng ngành ở [Phu lục](#).

THAM KHẢO: PHƯƠNG PHÁP LUẬN

(1) Kiểm định ý nghĩa của yếu tố Động lượng ngành

Dựa vào vấn đề đã nêu, chúng tôi đã áp dụng để kiểm định trên thị trường Việt Nam và nhận thấy rằng việc đầu tư vào ngành có Động lượng cao có khả năng đánh bại thị trường trong dài hạn.

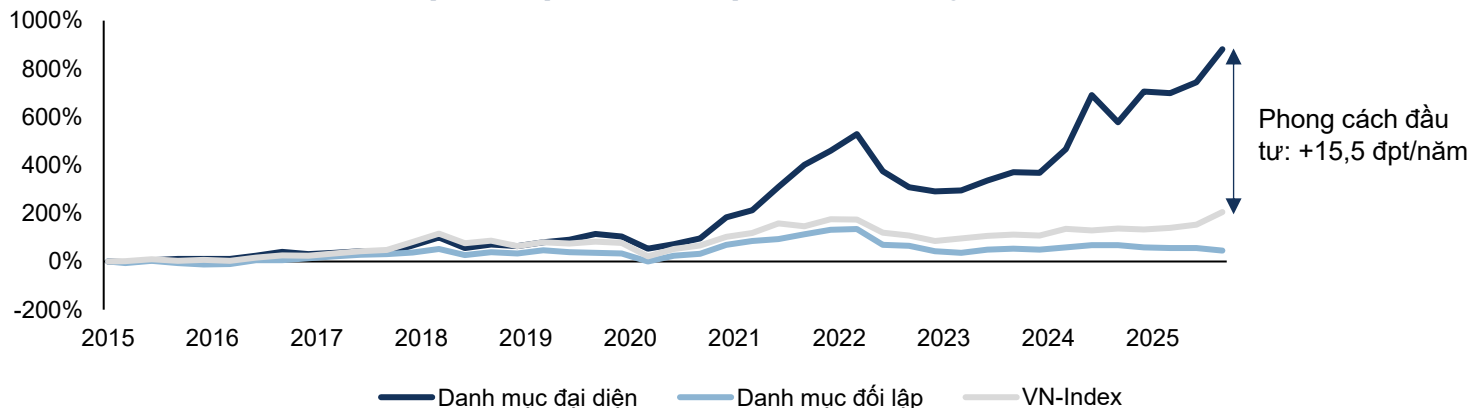
Cụ thể, chúng tôi giả định mỗi ngành có thể được đầu tư như một cổ phiếu (mua toàn bộ cổ phiếu trong một ngành, phân bổ tỷ trọng theo vốn hóa), chúng tôi thực hiện đánh giá chênh lệch hiệu suất giữa danh mục đại diện và VN-Index cũng như danh mục đối lập, trong đó:

- Danh mục Đại diện: Gồm 3 ngành có yếu tố Động lượng ngành cao nhất.
- Danh mục Đối lập: Gồm 3 ngành có yếu tố Động lượng ngành thấp nhất.

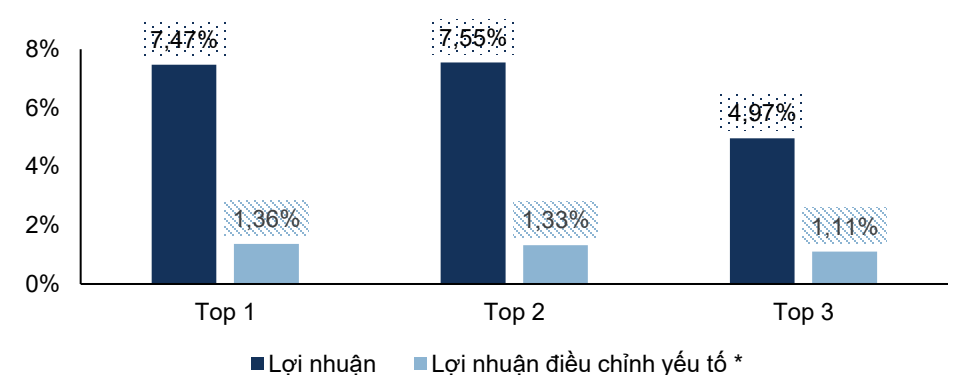
(Lưu ý, tỷ trọng giữa các ngành được phân bổ đều)

Trong kiểm định từ 2015 tới nay, Danh mục Đại diện đạt lợi nhuận 22,43%/năm, cao hơn VN-Index cùng kỳ ~ 15,5 đpt (được coi là lợi nhuận từ Phong cách đầu tư), thể hiện hiệu quả dài hạn của yếu tố Động lượng ngành.

Lợi nhuận danh mục qua các kỳ đầu tư



Hiệu suất trung bình các ngành trong danh mục đại diện



*Lợi nhuận Ngành được điều chỉnh khỏi các yếu tố: Vốn hóa, Giá trị và Động lượng

THAM KHẢO: PHƯƠNG PHÁP LUẬN
(2) Tối ưu hóa chiến lược

Nhằm cải thiện hiệu suất chiến lược, chúng tôi hướng tới tối ưu hiệu quả đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành thông qua (1) lựa chọn ngành, (2) lọc cổ phiếu và (3) phân bổ danh mục.

(1) Lựa chọn ngành

Nhằm phục vụ cho nhà đầu tư dễ dàng hơn trong việc thiết lập danh mục bán thụ động theo ngành, chúng tôi lựa chọn ngành có yếu tố động lượng 6 tháng là cao nhất.

(2) Lọc cổ phiếu

Trong lựa chọn cổ phiếu, chúng tôi hướng tới hạn chế rủi ro về thanh khoản và chất lượng – trong quá trình xoay chuyển ngành sẽ có những ngành có động lượng cao nhưng thanh khoản tương đối thấp.

- Lựa chọn các cổ phiếu đủ thanh khoản để đầu tư (với khối lượng giao dịch trung bình và trung vị 250 phiên trước đó lớn hơn 10.000 cp/phiên, giúp việc kiểm định quá khứ cũng như khuyến nghị tương lai thực tế hơn).
- Lựa chọn tối đa 20 cổ phiếu có vốn hóa cao nhất tại ngành xác định. Cổ phiếu vốn hóa cao giúp bao phủ hầu hết hiệu suất của ngành.

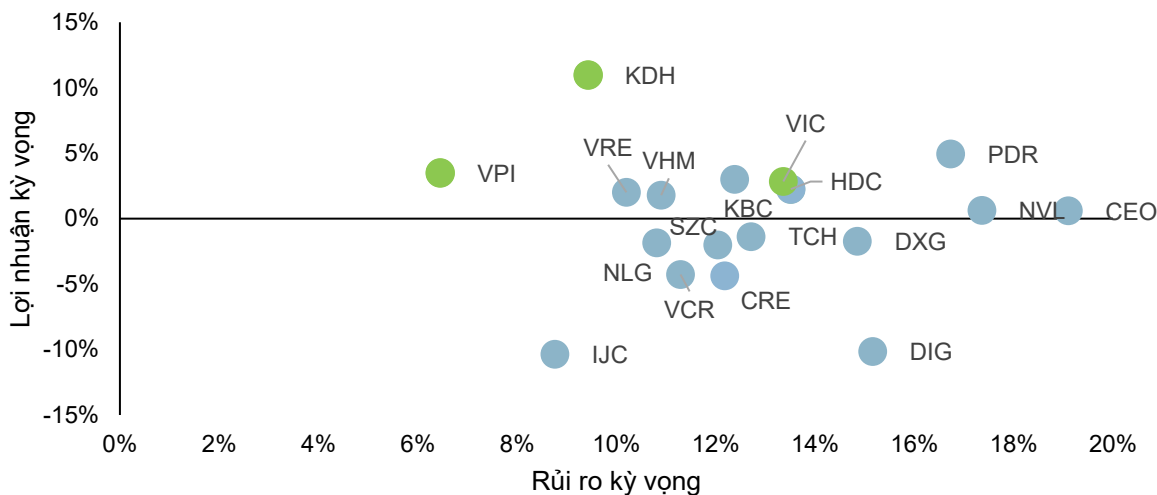
Trong kỳ hiện tại, chúng tôi lọc khoảng 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất từ các cổ phiếu niêm yết ngành Bất động sản

Các bước lọc	Số mã chứng khoán sau từng bước
Thị trường chứng khoán Việt Nam	1.580
Lựa chọn ngành	Ngành Bất động sản
Số cổ phiếu ngành	122
Lọc thanh khoản	51
Lọc vốn hóa cao nhất	20

THAM KHẢO: PHƯƠNG PHÁP LUẬN
(2) Tối ưu hóa chiến lược
(3) Phân bổ danh mục

Tại bước tối ưu hóa, từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nhất của ngành, chúng tôi phân bổ để tối đa hóa hiệu quả sau rủi ro. Cách làm này giúp danh mục tận dụng đà tăng của ngành và tìm kiếm lợi nhuận vượt trội so với Danh mục tiêu chuẩn ngành.

Dựa trên cơ sở đó, chúng tôi áp dụng khung lý thuyết Tối ưu hóa Mean Variance Optimization (MVO) của Harry Markowitz để xác định tỷ trọng của các cổ phiếu trong danh mục nhằm tối đa hóa hệ số Sharpe. Lợi nhuận kỳ vọng của các cổ phiếu được ước tính theo mô hình Chuỗi thời gian Bayesian Vector Autoregression (BVAR)*.

Tương quan lợi nhuận - rủi ro ước tính 3 tháng

Kết quả tối ưu hóa cho kỳ đầu tư T10/2025 – T01/2026

Mã CK	Tỷ trọng tính toán
KDH	57,53%
VPI	35,92%
VIC	6,55%
Lợi nhuận kỳ vọng trong kỳ đầu tư	7,75%

*Chi tiết về mô hình Chuỗi thời gian Bayesian Vector Autoregression tại [Phụ lục](#)

Kết quả kiểm định chiến lược trong quá khứ

- Chiến lược có thể đánh bại thị trường trong nhiều kỳ đầu tư

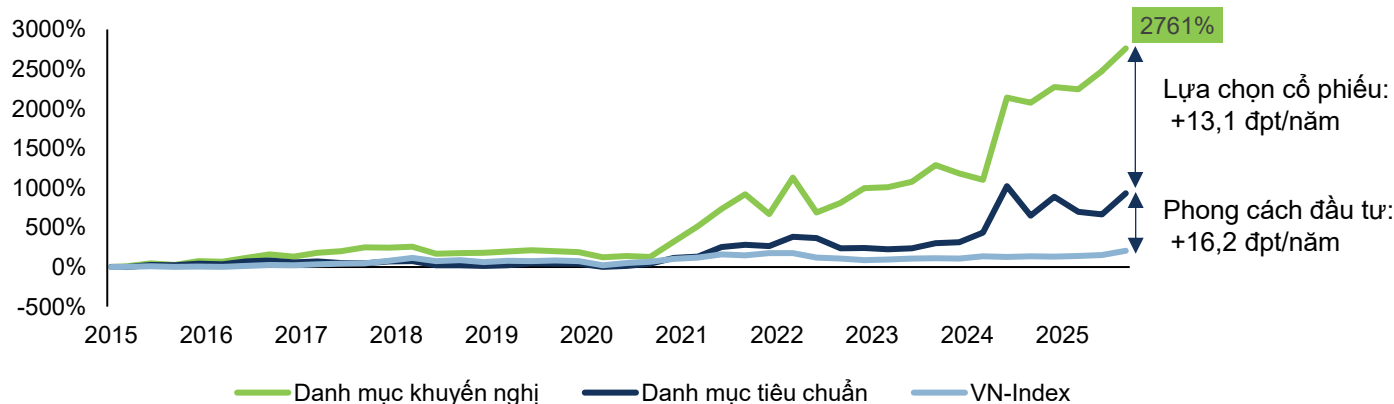
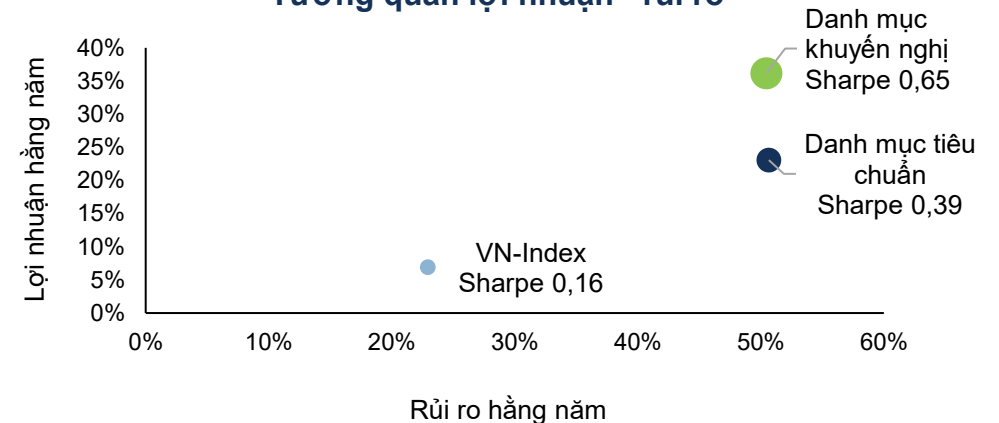
THAM KHẢO: KIỂM ĐỊNH DANH MỤC
(1) Kết quả backtest từ 2015 - Nay

Thống kê kết quả backtest từ 01/01/2015 đến 30/09/2025, danh mục đầu tư dựa trên yếu tố Động lượng ngành tạo ra lợi nhuận 36,16% hàng năm, đánh bại cả danh mục tiêu chuẩn và thị trường.

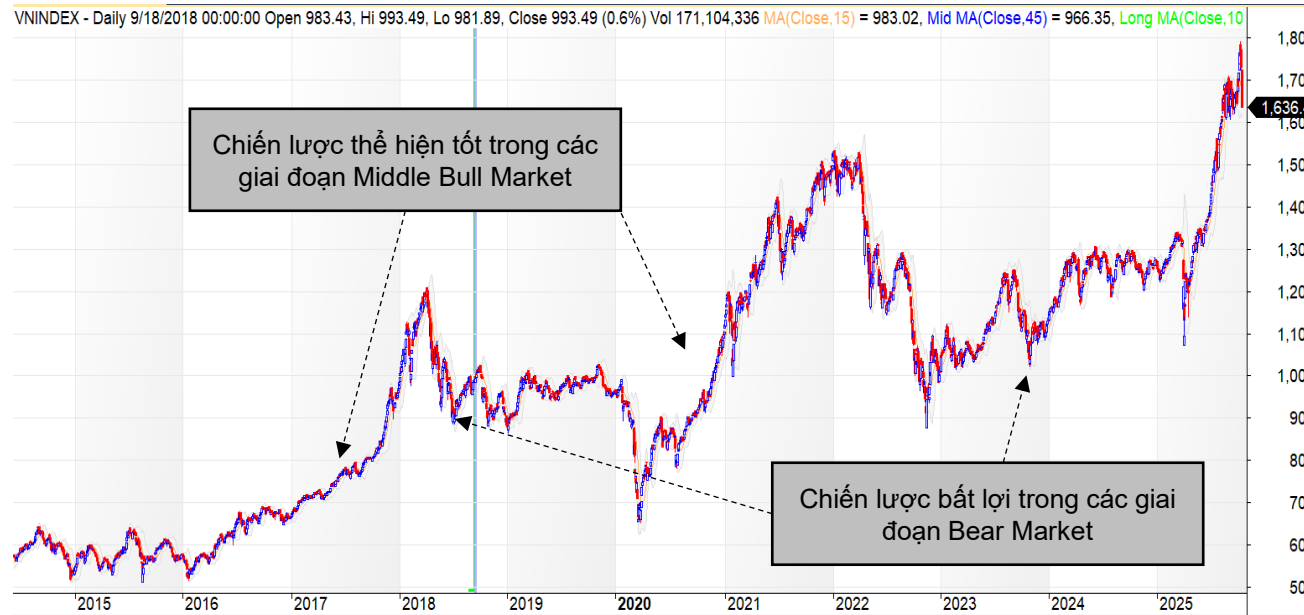
Trong đó, hiệu quả từ phong cách đầu tư (chênh lệch hiệu suất giữa Danh mục tiêu chuẩn và VN-Index) là 16,15%, hiệu quả từ lựa chọn cổ phiếu (chọn từ ngành có động lượng cao nhất) là 13,10%.

Ngoài ra, danh mục khuyến nghị còn có tỷ lệ lợi nhuận điều chỉnh rủi ro là 0,65 – vượt trội so với hai danh mục còn lại (lần lượt là 0,40 và 0,16).

Chỉ tiêu*	Danh mục	Danh mục tiêu chuẩn	Chỉ số VN-Index
Lợi nhuận bình quân hàng năm	36,16%	23,07%	6,92%
Chênh lệch so với cột sau		13,10%	16,15%
Độ lệch chuẩn hàng năm	50,45%	50,65%	22,93%
Hệ số Sharpe	0,65	0,40	0,16

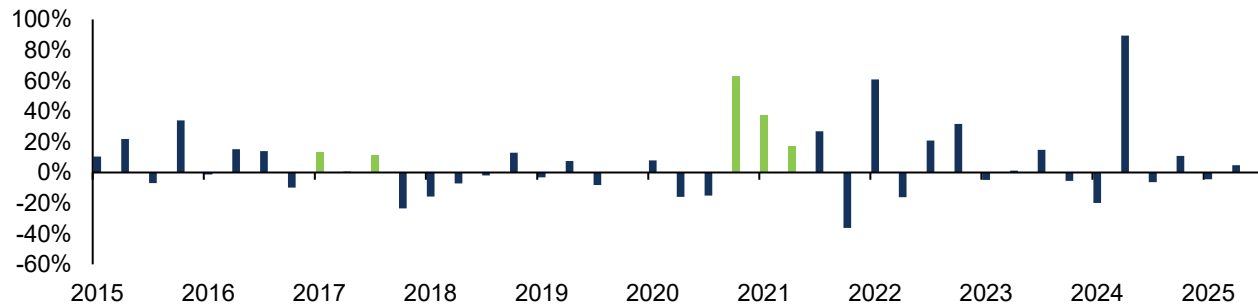
Lợi nhuận danh mục qua các kỳ đầu tư

Tương quan lợi nhuận - rủi ro


*Chi tiết cách tính toán các chỉ tiêu xem tại [Phụ lục](#)

THAM KHẢO: KIỂM ĐỊNH DANH MỤC
(2) Đánh giá tính chất thị trường của danh mục


Việc đánh giá tính chất thị trường của danh mục trong quá khứ giúp chúng tôi đưa ra khuyến nghị ngắn hạn với tính thời điểm cao.

Thị trường thuận lợi với chiến lược: Chiến lược thường đạt hiệu quả cao trong các pha Middle Bull Market của VN-Index. Khi xu hướng tăng được củng cố, dòng tiền lan tỏa rộng, các nhóm ngành dẫn dắt thường duy trì sức mạnh giá và tiếp tục tạo hiệu suất vượt trội so với thị trường. Bên cạnh đó, chiến lược động lượng ngành có thể vận hành hiệu quả hơn trong bối cảnh thị trường xuất hiện hiện tượng dòng tiền ưu tiên một số ngành nhất định trong ngắn hạn, góp phần khuếch đại động lượng giá cổ phiếu nội ngành.

Lợi nhuận so với VN-Index


Chỉ tiêu	Giá trị
Số kỳ thuận lợi	07/43
Lợi nhuận bình quân hằng năm	200,54%
Độ lệch chuẩn hằng năm	54,33%
Chênh lệch với VN-Index	101,72%

THAM KHẢO: KIỂM ĐỊNH DANH MỤC
(3) Kiểm định quá khứ: Tỷ trọng danh mục trong các kỳ backtest

Kỳ đầu tư	Ngành	Mã CK	Tỷ trọng	LN danh mục	Chênh lệch so với VN-Index
T01-03/2015	Điện	SJD KHP VNE UIC HJS	14,73% 24,43% 28,97% 15,01% 16,84%	11,58%	10,35%
T04-06/2015	Ngân hàng	ACB	100%	29,60%	22,0%
T07-09/2015	Ngân hàng	SHB	100%	-12,03%	-6,9%
T10-12/2015	Tài chính khác	PVI	100%	37,01%	34,1%
T01-03/2016	Tài chính khác	PVI	100%	-4,32%	-1,25%
T04-06/2016	Y tế	DHG	100%	27,80%	15,15%
T07-09/2016	Dầu khí	PVS	100%	22,47%	14,01%
T10-12/2016	Dầu khí	PGD	100%	-11,76%	-9,76%
T01-03/2017	Thép	SMC	100%	21,05%	13,57%
T04-06/2017	Xây dựng & Vật liệu xây dựng	VCG LGC HDG BCC NNC	16,32% 17,05% 19,14% 25,61% 21,87%	8,17%	0,70%
T07-09/2017	Dịch vụ viễn thông	HIG	100%	15,32%	11,72%
T10-12/2017	Công nghệ	SAM	100%	-1,01%	-23,36%
T01-03/2018	Công nghiệp	VSC SHN DLG SWC TYA	8,03% 17,86% 16,66% 41,9% 15,55%	3,57%	-15,75%
T04-06/2018	Ngân hàng	VCB ACB STB	37,75% 47,33% 14,9%	-25,30%	-7,10%
T07-09/2018	Bất động sản	QCG SJS ITA ITC VRC	15,13% 35,80% 11,39% 27,69% 9,98%	3,85%	-2,02%

Kỳ đầu tư	Ngành	Mã CK	Tỷ trọng	LN danh mục	Chênh lệch so với VN-Index
T10-12/2018	Công nghệ	CMG	100%	0,78%	13,03%
T01-03/2019	Tài chính khác	BVH	100%	6,67%	-3,21%
T04-06/2019	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	4,28%	7,43%
T07-09/2019	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	-3,28%	-8,20%
T10-12/2019	Công nghệ	ELC	100%	-3,6%	-0,03%
T01-03/2020	Công nghệ	ITD	100%	-23,2%	7,85%
T04-06/2020	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	8,55%	-15,98%
T07-09/2020	Than đá và nhiên liệu khác	NBC	100%	-5,31%	-15,03%
T10-12/2020	Thép	SMC	100%	85,18%	63,24%
T01-03/2021	Chứng khoán	SHS AGR SBS VIG	12,86% 34,85% 45,55% 6,74%	45,64%	37,71%
T04-06/2021	Chứng khoán	SSI BVS SBS APS VIG	11,71% 16,15% 19,27% 24,4% 28,46%	35,26%	17,04%
T07-09/2021	Chứng khoán	BVS PSI APS WSS HBS	12,61% 19,58% 26,12% 18,67% 23,01%	22,30%	27,02%
T10-12/2021	Than đá và nhiên liệu khác	NBC THT	18,33% 81,66%	-24,65%	-36,30%
T01-03/2022	Hóa chất	PVO	100%	60,3%	60,71%

Kỳ đầu tư	Ngành	Mã CK	Tỷ trọng	LN danh mục	Chênh lệch so với VN-Index
T04-06/2022	Hóa chất	PLC CSV HAD PVO	7,67% 60,39% 18,95% 13,0%	-35,91%	-16,17%
T07-09/2022	Hóa chất	PLC	100%	15,35%	20,82%
T10-12/2022	Dịch vụ công cộng	DNW	100%	20,62%	31,67%
T01-03/2023	Dịch vụ công cộng	ASP PCG MTC	46,92% 37,51% 15,56%	0,91%	-4,80%
T04-06/2023	Ngân hàng	VCB BID NVB KLB	45,37% 19,64% 19,07% 15,91%	6,43%	1,21%
T07-09/2023	Chứng khoán	FTS TVS CTS BVS WSS	11,55% 17,69% 34,72% 12,60% 23,45%	17,78%	14,74%
T10-12/2023	Hóa chất	HDA	100%	-7,6%	-5,5%
T01-03/2024	Hóa chất	HDA	100%	-6,3%	-19,95%
T04-06/2024	Dịch vụ viễn thông	FOX	100%	86,44%	89,46%
T07-09/2024	Dịch vụ viễn thông	FOX SGT TTN	22,81% 67,35% 9,83%	-2,87%	-6,30%
T10-12/2024	Dịch vụ viễn thông	FOX	100%	9,17%	10,81%
T01-03/2025	Công nghệ	SBD	100%	-1,32%	-4,48%
T04-06/2025	Nguyên vật liệu	DCM DPM DHC BFC TPP	22,18% 19,52% 8,31% 33,72% 16,24%	9,98%	4,67%
T07-09/2025	Bất động sản	KDH NVL VPI IDC DXG	21,79% 16,31% 25,55% 20,42% 15,91%	11,4%	-9,72%

*Các kỳ in đậm tương ứng với các kỳ đánh bại VN-Index

Phụ lục

PHỤ LỤC
Các ngành trong kiểm định

Ngành cấp 1	Tên ngành kiểm định	Ghi chú
Tài chính	Ngân hàng	Ngành Tài chính sau khi tách Ngân hàng và Chứng khoán
	Chứng khoán	
	Tài chính khác	
Năng lượng	Than đá và nhiên liệu khác	
	Dầu khí	
Nguyên vật liệu	Thép	Ngành Nguyên vật liệu sau khi tách Thép và Hóa chất và Vật liệu xây dựng
	Hóa chất	
	Nguyên vật liệu khác	
Dịch vụ viễn thông	Dịch vụ viễn thông	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	

Ngành cấp 1	Tên ngành kiểm định	Ghi chú
Dịch vụ công cộng	Điện	
	Nước & Gas	
Công nghệ	Công nghệ	
Y tế	Y tế	
Công nghiệp Nguyên vật liệu	Xây dựng & Vật liệu xây dựng	Gộp 2 ngành cấp 3 Xây dựng và Vật liệu xây dựng
Công nghiệp	Công nghiệp	Đã loại ngành cấp 3 Xây dựng
Bất động sản	Bất động sản	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	Hàng tiêu dùng thiết yếu	

PHỤ LỤC
Ý nghĩa các chỉ số

Chỉ số	Ý nghĩa	Công thức
Động lượng ngành	Trong báo cáo này, động lượng ngành được đo bằng mức tăng trưởng giá trung bình có trọng số vốn hóa của các cổ phiếu trong cùng ngành (vốn hóa sẽ được lấy tại thời điểm bắt đầu xét động lượng) . Cách tiếp cận này giúp phản ánh sát nhất hiệu suất thực tế của ngành, tương tự như cách tính toán của một số chỉ số ngành, thị trường.	$\sum_{i \in \text{Ngành}} w_{i,t-6} \times \frac{P_{i,t} - P_{i,t-6}}{P_{i,t-6}}$
Độ biến động	Rủi ro đầu tư của một cổ phiếu/danh mục (sau đây gọi tắt là khoản đầu tư p), thể hiện qua độ lệch chuẩn của lợi nhuận đầu tư qua các khoảng thời gian.	$std(R_p)$
Lợi nhuận chủ động (active return)	Đo lường mức chênh lệch giữa lợi nhuận của danh mục khuyến nghị và danh mục tiêu chuẩn, cho thấy hiệu quả của việc lựa chọn cổ phiếu đầu tư.	$\frac{1 + R_p}{1 + R_B} - 1$
Lợi nhuận phong cách đầu tư (style return)	Đo lường mức chênh lệch giữa lợi nhuận của danh mục danh mục tiêu chuẩn và thị trường, cho thấy hiệu quả của việc lựa chọn chiến lược đầu tư.	$\frac{1 + R_B}{1 + R_M} - 1$
Hệ số Sharpe	Đánh giá hiệu suất tài chính của khoản đầu tư so với đầu tư phi rủi ro, thể hiện qua tỷ lệ giữa (1) lợi nhuận đầu tư vượt quá lợi nhuận phi rủi ro (r_f) và (2) độ lệch tiêu chuẩn của lợi nhuận đầu tư.	$\text{Sharpe Ratio} = \frac{R_p - R_f}{std(R_p)}$
Maximum Drawdown	Đo lường rủi ro thông qua mức sụt giảm giá trị lớn nhất của danh mục (từ đỉnh tới đáy thấp nhất trước khi có đỉnh mới) trong một khoảng thời gian nhất định.	$MDD = \frac{\text{Peak Value} - \text{Trough Value}}{\text{Peak Value}}$
Mô hình Chuỗi thời gian: Bayesian Vector Autoregression	Mô hình BVAR kết hợp thông tin từ chuỗi giá lịch sử của chính cổ phiếu đó và các biến liên quan để đưa ra dự báo lợi nhuận.	

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTTS. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Tại thời điểm thực hiện báo cáo phân tích, FPTTS, chuyên viên phân tích và người phê duyệt báo cáo hiện không nắm giữ cổ phiếu của các doanh nghiệp này.

Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến các cổ phiếu này có thể được xem tại <https://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty Chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ,
Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: 1900 6446

Fax: (84.24) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí
Minh

ĐT: 1900 6446

Fax: (84.28) 6 291 0607

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

Số 100, Quang Trung, Phường Thạch Thang,
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

ĐT: 1900 6446

Fax: (84.23) 6 3553 888